

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 5 - 2021

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Minh Thiết

2. Ông Ngô Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2021/TLST- HNGĐ ngày 13/01/2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 51/2021/QĐXX-ST ngày 30/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị S, sinh năm 1995 - Có mặt.

ĐKKHKT: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh B.

Địa chỉ chỗ ở hiện nay: Phòng 309, Tòa 204, Ký túc xá Samsung, khu công nghiệp Yên Bình, Phố Yên, Thái Nguyên.

*** Bị đơn:** Anh Thân Văn T, sinh năm 1991 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Ngoen, xã T, huyện L, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Thân Văn T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh B vào ngày 21/3/2016. Anh chị được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Khi cưới

xong, vợ chồng chị thuê nhà ở tại tỉnh Thái Nguyên sinh sống. Sau đó khoảng 10 tháng, do anh T về làm lái xe dưới tỉnh Bắc Ninh nên chị và anh T thuê trọ dưới tỉnh Bắc Ninh sinh sống. Cuối năm 2018, anh T mua xe ô tô chạy hợp đồng thì anh T chuyển về nhà ở thôn Ngoen, xã T sinh sống, chị chuyển vào Ký túc xá Samsung, khu công nghiệp Yên Bình, Phổ Yên, Thái Nguyên sinh sống. Từ cuối năm 2019, chị và anh T thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân là do chị đọc được tin nhắn facebook của anh T nhắn cho người phụ nữ khác, anh T thiếu quan tâm đến chị, từ đó vợ chồng cãi nhau thường xuyên. Hai bên gia đình đã động viên hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Giữa chị và anh T không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/01/2021, bị đơn anh Thân Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị S được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L vào ngày 21/3/2016. Sau khi kết vợ chồng anh đi làm cùng nhau trên Thái Nguyên nên thuê trọ trên Thái Nguyên, sau đó vợ chồng anh chuyển về tỉnh Bắc Ninh sinh sống, khi đó chị S đi làm sáng đi tối về do xe công ty đưa đón. Từ đầu năm 2019, anh mua xe ô tô để chạy riêng nên anh chuyển về nhà sinh sống, chị S chuyển vào Ký túc xá Samsung, khu công nghiệp Yên Bình, Phổ Yên, Thái Nguyên sinh sống, khoảng 2 tuần chị S về nhà một lần. Kể từ tháng 6 năm 2020, do chị S học thêm tiếng nước ngoài thì chị S ít về nhà hơn. Quá trình chung sống ban đầu thì vợ chồng vẫn bình thường, không xảy ra mâu thuẫn. Nhưng cách đây khoảng một năm, do đặc thù công việc của anh làm lái xe hợp đồng, ngày nghỉ anh đi giao lưu, nhậu nhẹt có hôm về muộn nên vợ chồng có nói nhau về việc này nhưng không xảy ra cãi cọ to tiếng. Nay chị S khởi kiện xin ly hôn anh thì anh không đồng ý, lý do anh không đồng ý là do anh vẫn còn tình cảm với chị S và mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Vợ chồng không có con chung, tài sản chung, công nợ chung nên anh đồng ý với ý kiến chị S về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản xác minh ngày 27/3/2021 của Tòa án với đại diện chính quyền địa phương thôn Ngoen, xã T, huyện L cho biết: Chị S và anh T là công dân có đăng ký hộ khẩu tại địa phương. Địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị S, anh T. Hiện nay chị S đi làm công ty ở*

Thái Nguyên rất ít khi về nhà, anh T sinh sống ở nhà và làm lái xe hợp đồng. Vợ chồng chị S, anh T chưa có con chung. Nay chị S khởi kiện xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Tại biên bản xác minh ngày 30/3/2021 của Tòa án với bà Trần Thị Ngừ, là mẹ đẻ anh Thân Văn T cho biết: Anh T, chị S có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã T, huyện L, tỉnh B. Gia đình bà có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới anh T và chị S sống ở Thái Nguyên, sau đó chuyển về Bắc Ninh. Các đây khoảng 2 năm, anh T có mua xe ô tô chạy hợp đồng thì anh T về sinh sống cùng ông bà, chị S ở Ký túc xá của công ty Samsung trên Thái Nguyên. Thi thoảng chị S có về thăm gia đình vào cuối tuần. Từ năm 2020 chị S đi học thêm tiếng nước ngoài nên ít về nhà. Mâu thuẫn giữa chị S và anh T xảy ra từ khi nào thì gia đình không biết cụ thể. Tuy nhiên có thời gian, chị S có nói với người nhà là anh T có quan hệ với người phụ nữ khác có bầu nhưng gia đình cũng không biết cụ thể sự việc như thế nào. Giữa anh T và chị S không có con chung. Nay chị S khởi kiện xin ly hôn anh T thì gia đình vẫn mong muốn anh chị đoàn tụ để về với nhau. Trường hợp chị S kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Nay anh T vẫn ở cùng ông bà, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và cam đoan giao lại cho anh T.

Tòa án đã tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được

* Tại phiên tòa:

- Chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kiên quyết xin ly hôn anh T;
- Anh T giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn với lý do anh vẫn còn tình cảm với chị S và mong muốn chị S rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn cơ bản chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn còn vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần đầu.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- + Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị S được ly hôn anh T.
- + Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Chị S và anh T đều xác định vợ chồng không có con chung, các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung, công nợ chung nên không xem xét giải quyết.
- + Về án phí: Chị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị S cùng các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp là hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện, về chủ thể có quyền khởi kiện. Nguyên đơn đã thực hiện việc thông báo khởi kiện và gửi tài liệu cho bị đơn theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về ly hôn, bị đơn đang cư trú tại huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện L đã giải quyết vụ kiện theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ, đều có mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn còn vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử lần đầu theo thông báo của Tòa án.

[4]. Về nội dung:

Lời khai của chị S và anh T đều xác định vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh B ngày 21/3/2016 theo giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã T cấp, do đó quan hệ hôn nhân của chị S, anh T là hợp pháp.

[4.1]. Về tình trạng hôn nhân của chị S và anh T: Nguyên đơn chị Phạm Thị S xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị nghi ngờ anh T có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, anh T không quan tâm tới chị, có thời gian chị nằm viện 10 ngày anh T chỉ lên ký giấy tờ và thăm chị được 1 lần, tại phiên tòa chị S xác định không còn tình cảm với anh T, vợ chồng không thể

hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được và kiên quyết xin ly hôn anh T. Bị đơn anh Thân Văn T thừa nhận có nhắn tin trêu đùa qua điện thoại với người phụ nữ khác, việc chị S cho rằng anh không quan tâm đến chị khi chị nằm viện thì do khi đó anh suy nghĩ chị chỉ mớ amidan không quá nghiêm trọng và khi chị S nằm viện thì có Dì của chị S ra chăm sóc Soa nên anh không lên nữa, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị S và mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy: Mong muốn đoàn tụ của anh T không được chị S đồng ý vì chị xác định không còn tình cảm với anh T. Mặt khác, lời khai của anh T thể hiện giữa anh và chị S có xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống như chị S trình bày. Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng sống chung thủy, yêu thương tôn trọng lẫn nhau, tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt, nhưng hôn nhân của chị S và anh T không đạt được mục đích đó, mâu thuẫn giữa chị S và anh T đã trầm trọng. Việc anh T và chị S sống xa nhau khiến tình cảm vợ chồng bị xa cách, mặc dù anh T có mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được biện pháp khắc phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay chị S vẫn kiên quyết xin ly hôn do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị S được ly hôn anh Thân Văn T.

[4.2]. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Chị S, anh T xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị S, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự ly hôn. Xác nhận chị S đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn tại Chi cục Thi hành án dân sự.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 264, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị S được ly hôn anh Thân Văn T.
2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2019/0002815 ngày 13/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Xác nhận chị S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện L;
- TAND tỉnh B;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Thiêm

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện L;
- TAND tỉnh B;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Thiêm